TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 253/2023/HNGĐ-ST
Ngày 25/7/2023
Về việc: Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Trường
Các Hội thẩm nhân dân:
+ Ông Lưu Văn Thảo
+ Ông Phan Văn Hoàng
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga – Thư ký Tòa án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hạnh Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 70/2023/TLST-HNST ngày 21 tháng 3 năm 2023 về việc: "Xin ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/QĐXX-ST ngày 23 tháng 6 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 27/QĐHPT ngày 07/7/2023 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn**: Bà Nông Thị L, sinh năm: 1983 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).
Trú tại: Tổ 14, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.
*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Vũ T, sinh năm; 1979 (Vắng mặt không có lý do).
Trú tại: Tổ 15, thôn N, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/3/2023 và biên bản trình bày cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nông Thị L trình bày:

Tôi và ông Nguyễn Vũ T tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn năm 2002 tại UBND phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm với nhau, ông T tính tình nóng nẩy, bạo hành, đánh đập tôi. Chúng tôi sống ly thân nhau từ năm 2016 cho đến nay. Nay tôi thấy tình cảm không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên xin ly hôn.

- Về con chung: Tôi và ông T có 02 con chung Nguyễn Thị Minh A, sinh ngày: 02/10/2002; Nguyễn Lâm A, sinh ngày: 26/8/2010. Hiện nay Nguyễn Thị Minh Ạ đã đủ 18 tuổi trưởng thành tự lực được. Còn con Nguyễn Lâm A do anh T nuôi từ nhỏ nên tôi có nguyện vọng giao cho anh T nuôi dưỡng, tôi không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự giải quyết, không yêu cầu Tòa điều chỉnh.

- Nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

**** Tại biên bản ghi lời khai ngày 13/6/2023 ông Nguyễn Vũ T trình bày:*** Về điều kiện kết hôn tôi thống nhất như lời trình bày của bà Nông Thị L, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do làm ăn thua lỗ. Năm 2016 tôi dẫn 02 con về tại xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam sinh sống cho đến nay. Nay bà Nông Thị L xin ly hôn tôi thống nhất ly hôn.

- Về con chung: Tôi và bà Nông Thị L có 02 con chung Nguyễn Thị Minh A, sinh ngày: 02/10/2002; Nguyễn Lâm A, sinh ngày: 26/8/2010. Hiện nay Nguyễn Thị Minh A đã đủ 18 tuổi trưởng thành tự lực được. Còn con Nguyễn Lâm A do tôi nuôi từ nhỏ nên tôi có nguyện vọng xin nuôi con và tôi không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự giải quyết, không yêu cầu Tòa điều chỉnh.

- Nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

*** Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:**

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư Ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, trình tự thu thập chứng cứ là đúng quy định pháp luật. Đối với bị đơn không tuân thủ các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Nông Thị L và ông Nguyễn Vũ T.

- Về con chung: Xử công nhận sự thỏa thuận giữa bà L và ông T: Giao cho ông Nguyễn Vũ T nuôi con chung tên Nguyễn Lâm A, sinh ngày: 26/8/2010 đến 18 tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Vũ T không yêu cầu bà Nông Thị L cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị HĐXX không xét.

Về tài sản chung: Bà Nông Thị L và ông Nguyễn Vũ T khai vợ chồng tự giải quyết nên đề nghị HĐXX không xét.

Về nợ chung: Bà Nông Thị L và ông Nguyễn Vũ T khai không có nên đề nghị HĐXX không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án có bị đơn ông Nguyễn Vũ T cư trú tại huyện T, tỉnh Quảng Nam. Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Nguyễn Vũ T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt ông Nguyễn Vũ T.

Nguyên đơn bà Nông Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào điểm khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt bà Nông Thị L.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Nông Thị L và ông Nguyễn Vũ T tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn vào năm 2002, đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Như vậy, hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà Nông Thị L khai là vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm với nhau, ông T tính tính nóng nẩy, bạo hành, đánh đập bà L. Còn về phía ông Nguyễn Vũ T khai là do làm ăn thua lỗ nên vợ chồng cải vả nhau, xúc phạm nhau. Bà Nông Thị L và ông Nguyễn Vũ T sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay bà Nông Thị L thấy tình cảm không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên xin ly hôn với ông Nguyễn Vũ T. Còn về phía ông Nguyễn Vũ T không đến Tòa để tham dự phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và cũng như trong quá trình xét xử. Qua làm việc với ông Nguyễn Vũ T thì tại biên bản ghi lời khai thì ông Nguyễn Vũ T thống nhất thuận tình ly hôn. Hiện nay bà Nông Thị L, ông Nguyễn Vũ T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không đem lại hạnh phúc nên đều xin thuận tình ly hôn. Việc thuận tình ly hôn của bà L, ông T là tự nguyện phù hợp với Điều 51, Điều 55, Điều 57 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam nên xét công nhận.

[3] Về con chung: Bà Nông Thị L và ông Nguyễn Vũ T có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Minh A, sinh ngày: 02/10/2002; Nguyễn Lâm A, sinh ngày: 26/8/2010. Hiện nay Nguyễn Thị Minh A đã đủ 18 tuổi trưởng thành tự lực được. Còn con Nguyễn Lâm A do ông Nguyễn Vũ T nuôi từ năm 2016 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Vũ T có nguyện vọng xin nuôi con Nguyễn Lâm A, sinh ngày: 26/8/2010 cho đến 18 tuổi trưởng thành. Bà Nông Thị L thống nhất giao con Nguyễn Lâm A cho ông Nguyễn Vũ T nuôi dưỡng. Do đó, xét giao cho ông Nguyễn Vũ T nuôi con Nguyễn Lâm A, sinh ngày: 26/8/2010 đến 18 tuổi trưởng thành là phù hợp với Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Vũ T không yêu cầu bà Nông Thị L cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Bà Nông Thị L và ông Nguyễn Vũ T thống nhất vợ chồng tự giải quyết nên HĐXX không xét.

[5] Về nợ chung: Bà Nông Thị L và ông Nguyễn Vũ T khai không có nên HĐXX không xét.

[6] Về án phí: Xử buộc bà Nông Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 177, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Nông Thị L và ông Nguyễn Vũ T.

2. Về con chung: Xử công nhận sự thỏa thuận giữa bà Nông Thị L và ông Nguyễn Vũ T: Giao cho ông Nguyễn Vũ T nuôi con chung Nguyễn Lâm A, sinh ngày: 26/8/2010 đến 18 tuổi trưởng thành.

Ông Nguyễn Vũ T không yêu cầu bà Nông Thị L cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Xử buộc bà Nông Thị L phải chịu 300.000đ (Ba *trăm ngàn đồng y*) án phí LHST, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng y*) mà bà L đã nộp theo biên lai thu số 0006275 ngày 21/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thăng Bình.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các cơ quan tiến hành tố tụng.
- TAND tỉnh.
- Những người tham gia tố tụng.
- UBND Phường T.
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký và đóng dấu)